

QUAN ĐIỂM CỦA C.MÁC VÀ PH.ĂNGGHEN VỀ NHỮNG TIỀN ĐỀ CỦA LỊCH SỬ TRONG “HỆ TƯ TƯỞNG ĐỨC” VÀ Ý NGHĨA CỦA CHÚNG

PHẠM VĂN ĐỨC (*)

Tóm tắt: Trên cơ sở trình bày và phân tích quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về năm tiền đề của lịch sử, tác giả khẳng định rằng: thứ nhất, cả năm tiền đề là những tiêu chí quan trọng để phân biệt con người với con vật, trong đó bốn tiền đề ban đầu là nhu cầu cơ bản và sản xuất, sự xuất hiện nhu cầu mới, việc tái tạo ra người khác, phương thức sản xuất và hợp tác thuộc về những yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội; thứ hai, nhu cầu không chỉ là động lực mà còn là nguồn gốc, tức là cái khởi nguồn của sự biến đổi và phát triển của lịch sử và thứ ba, ý thức là một trong những nhân tố không thể thiếu được của lịch sử. Với ý nghĩa đó, có thể nói, “Hệ tư tưởng Đức” là tác phẩm đánh dấu sự chuyển biến một cách căn bản từ lập trường duy tâm sang lập trường duy vật khi xem xét lĩnh vực xã hội của C.Mác và Ph.Ăngghen.

Hệ tư tưởng Đức là một tác phẩm quan trọng đánh dấu sự chuyển biến của C.Mác và Ph.Ăngghen từ lập trường duy tâm sang lập trường duy vật và là mốc đánh dấu sự chín muồi của quan niệm duy vật về lịch sử. Điều đó được thể hiện trước hết ở cách chọn đối tượng nghiên cứu của các ông, đó là con người.

Thực ra, vấn đề con người vốn là vấn đề truyền thống của triết học nói chung, của triết học trước Mác nói riêng và là vấn đề cơ bản của triết học thời Phục hưng. Ngay đến triết học Phoiơbác, vấn đề con người vẫn giành được vị trí ưu tiên đặc biệt. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà triết học Phoiơbác được gọi là triết học nhân bản.

Như chúng ta đều biết, triết học Phoiơbác đã lấy con người làm đối tượng nghiên cứu. Phoiơbác quan tâm đến con người và muốn giải phóng con người khỏi những ràng buộc không đáng có, trước hết là những ràng buộc của tôn giáo. Tuy

nhiên, do những hạn chế lịch sử, Phoiơbác chưa thể đưa ra được những phương sách hữu hiệu để giải phóng con người. Ông mắc phải những khuyết điểm mà bản thân ông muốn khắc phục, mặc dù dưới một hình thức khác, tức là thay thế một thứ tôn giáo này bằng một thứ tôn giáo khác - thay tôn giáo của Thượng giới bằng tôn giáo của tình yêu, của niềm tin. Tuy vậy, ý tưởng bất triết học phải vì con người, phải phục vụ con người là một ý tưởng vĩ đại, mang ý nghĩa lịch sử to lớn.

Song, điều cần nhấn mạnh là ở chỗ, con người trong quan niệm của Phoiơbác là con người trừu tượng, phi lịch sử, chứ không phải con người bằng xương, bằng thịt, tồn tại trong những điều kiện lịch sử cụ thể.

Cũng giống như triết học của Phoiơbác, triết học Mác rất quan tâm đến con người, coi con người là điểm xuất phát của các

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Quyển Viện trưởng Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

ngiên cứu triết học. Nhưng khác với Phoiơbắc, C.Mác và Ph.Ăngghen không chỉ là nhà duy vật và biện chứng khi xem xét các hiện tượng tự nhiên, mà còn là nhà duy vật trong lĩnh vực xã hội. Siêu hình khi xem xét các hiện tượng tự nhiên, duy tâm khi nghiên cứu xã hội là nhược điểm cố hữu của chủ nghĩa duy vật Phoiơbắc. Đúng như C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhận xét: "Khi Phoiơbắc là nhà duy vật thì ông không bao giờ đề cập đến lịch sử; còn khi ông xem xét đến lịch sử thì ông không phải là nhà duy vật. Ở Phoiơbắc, lịch sử và chủ nghĩa duy vật hoàn toàn tách rời nhau..."(1). Đây không chỉ là điểm khác biệt của C.Mác và Ph.Ăngghen với Phoiơbắc, mà còn với toàn bộ triết học Đức nói chung. Vậy *điểm khác biệt* đó được thể hiện ở chỗ nào?

C.Mác và Ph.Ăngghen đã nhiều lần khẳng định rằng: "Những tiền đề xuất phát của chúng tôi không phải là những tiền đề tùy tiện, không phải là giáo điều; đó là những tiền đề hiện thực mà người ta chỉ có thể bỏ qua trong trí tưởng tượng thôi. Đó là *những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ* (chúng tôi nhấn mạnh - P.V.D.), những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra"(2).

Theo các ông, người Đức không đặt vấn đề như vậy và đối với họ, hoàn toàn không có một tiền đề nào cả. Khác với các nhà triết học Đức, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đi tìm những tiền đề của mọi sự tồn tại của con người, do đó là tiền đề của mọi lịch sử. Bởi vì, đối với các ông, lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi mục đích của con người. Chính từ việc xác định đúng đắn tiền đề của mọi lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đi đến quan niệm duy vật về lịch sử.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, tiền đề đầu tiên của *mọi lịch sử*, đó là người ta phải có *khả năng sống* đã rồi mới có thể *làm ra lịch sử*. Nhưng muốn sống được thì trước hết con người phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Khác với động vật chỉ sống hoàn toàn dựa vào tự nhiên, con người muốn có thức ăn, thức uống, nhà ở và những vật dụng cần thiết cho cuộc sống thì phải tiến hành *sản xuất*. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, hành vi sản xuất ra những vật dụng cần thiết để thoả mãn nhu cầu đầu tiên, tối thiểu đó là *hành vi lịch sử đầu tiên*. C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "... Hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất trong những tư liệu để thoả mãn những nhu cầu ấy (nhu cầu ăn, uống, ở, quần áo, v.v. - P.V.D.), việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất. Hơn nữa, đó là một hành vi lịch sử, một điều kiện cơ bản của mọi lịch sử mà (hiện nay cũng như hàng nghìn năm về trước) người ta phải thực hiện hàng ngày, hàng giờ, chỉ nhằm để duy trì đời sống con người"(3).

Với C.Mác và Ph.Ăngghen, nhu cầu của con người là *nguyên nhân* dẫn tới con người có sản xuất và phải sản xuất. Sự khác nhau giữa nhu cầu của con người và của con vật đã dẫn tới phương thức sống khác nhau giữa con người và con vật - con vật sống hoàn toàn *phụ thuộc* vào tự nhiên, còn con người thì *dựa* vào tự nhiên để sống và tồn tại. Đây cũng là sự khác nhau căn bản nhất giữa con người và con vật. Chính C.Mác và Ph.Ăngghen cũng đã thường xuyên phát triển tư tưởng của mình về điểm mấu chốt để phân biệt sự

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 65.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t. 3, tr. 28 - 29.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t. 3, tr. 40.

khác nhau giữa con người và con vật. Chẳng hạn, trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1884*, C.Mác cho rằng, sự khác nhau giữa con người và con vật được thể hiện ở hai điểm: *thứ nhất*, con người có ý thức và *thứ hai*, con người biết sản xuất. Đến *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định rằng, "có thể phân biệt con người với súc vật, bằng ý thức, bằng tôn giáo, nói chung bằng bất cứ cái gì cũng được. Bản thân con người bắt đầu bằng tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu *sản xuất ra* những tư liệu sinh hoạt của mình - đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định. Sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình, như thế là con người đã gián tiếp sản xuất ra chính đời sống vật chất của mình"(4). Nhưng đến *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen lại tiến thêm một bước xa hơn nữa bằng cách khẳng định rằng, chính lao động là yếu tố quyết định sự chuyển biến từ vượn thành người, quyết định sự hình thành ý thức ở con người. Ngoài ra, trong quan niệm của C. Mác, lao động không chỉ là cái để phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa con người và con vật, mà còn là sự khởi đầu của sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội(5).

Thêm vào đó, ngay chính nhu cầu đầu tiên (nhu cầu ăn, ở, mặc...) cũng không giống nhau ở các nước, các dân tộc khác nhau. Sự khác nhau của nhu cầu ở các dân tộc lúc đầu do điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh sống của con người quy định, nhưng về sau, cùng với sự phát triển của xã hội, sự khác nhau về nhu cầu còn bị quy định bởi các yếu tố thuộc về truyền thống và văn hoá. Sự khác nhau của nhu cầu ở các dân tộc đã làm cho cách thức thoả mãn nhu cầu cũng khác nhau. Điều này rất rõ nhận thấy nếu chúng ta so sánh, đối chiếu

giữa các nước có điều kiện tự nhiên khác nhau. Chẳng hạn, ở các nước có khí hậu lạnh thì rõ ràng là nhu cầu về quần áo, những thiết bị để chống rét cao hơn rất nhiều so với các nước có khí hậu nóng. Do đó, các ngành nghề sản xuất các thiết bị chống rét ở các nước có khí hậu lạnh sẽ phát triển hơn ở các nước có khí hậu nóng. Chính sự khác nhau về sản xuất ban đầu như vậy dần dần sẽ dẫn đến sự khác nhau về văn hoá.

Tiền đề thứ hai của lịch sử là sự thoả mãn nhu cầu đầu tiên của con người đã làm xuất hiện nhu cầu mới. Sự xuất hiện nhu cầu mới này, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, cũng là *hành vi lịch sử đầu tiên*. Ở đây, nhu cầu đóng vai trò là động lực của sản xuất nói riêng và của lịch sử nói chung. Sản xuất, trong quan hệ với nhu cầu, là cái đáp ứng nhu cầu. Đó là một mặt của quan hệ giữa nhu cầu và sản xuất. Nhưng còn một mặt khác của quan hệ giữa nhu cầu và sản xuất là không có nhu cầu thì không có sản xuất, vì sản xuất không để làm gì cả. Nhưng vì nhu cầu của con người là hết sức phong phú, đa dạng và biến đổi không ngừng; nhu cầu cũ được thoả mãn thì không chỉ có một mà vô số nhu cầu mới xuất hiện. Với tư cách là phương tiện để thoả mãn nhu cầu của con người, sản xuất luôn luôn phát triển. Sự đa dạng và phong phú của nhu cầu, cũng như sự biến đổi của nhu cầu của con người cũng là điểm khác biệt căn bản nữa giữa

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.3, tr. 29.

(5) Trong *Tư bản*, C.Mác coi hàng hoá là tế bào của chủ nghĩa tư bản. Hàng hoá có hai thuộc tính: giá trị và giá trị sử dụng. Giá trị của hàng hoá do lao động trừu tượng tạo ra, còn giá trị sử dụng do lao động cụ thể tạo ra. Từ sự phân tích giá trị của hàng hoá, cũng như vai trò của từng loại lao động, sự thống nhất và mâu thuẫn của chúng, C.Mác đã tìm ra quy luật vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng, của xã hội loài người nói chung.

con người và con vật. Sự khác nhau giữa con người và con vật không chỉ ở phương thức thoả mãn nhu cầu đầu tiên, mà còn ở sự đa dạng của nhu cầu, sự biến đổi và luôn luôn xuất hiện những nhu cầu mới ở con người. Ở con vật, nhu cầu dường như được lặp đi lặp lại và ít biến đổi, còn ở con người, nhu cầu biến đổi không ngừng với nội dung ngày càng phong phú và đa dạng. Thêm vào đó, khả năng đáp ứng nhu cầu của con người ngày càng nhanh chóng, với chất lượng ngày càng cao.

Tiền đề thứ ba của lịch sử đó là sự tái tạo ra bản thân con người. C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "Quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử: hàng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những người khác, sinh sôi nảy nở - đó là quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là *gia đình*"(6). Theo các ông, gia đình lúc đầu là quan hệ duy nhất, nhưng về sau trở thành quan hệ lệ thuộc khi mà nhu cầu đã tăng lên để ra những quan hệ xã hội mới và dân số tăng lên để ra những nhu cầu mới. Sự tái tạo ra bản thân con người là nhu cầu và đòi hỏi khách quan của con người với tính cách là loài sinh vật. Nhưng khác với loài vật, quá trình tái tạo ra người khác ở con người đã hình thành nên quan hệ mới, đó là quan hệ vợ chồng, cha mẹ và con cái, hay nói cách khác, đã hình thành nên *gia đình*. Cái tạo ra ở con người quan hệ gia đình cũng chính là sản xuất. Gia đình là quan hệ xã hội đầu tiên và duy nhất giữa con người và con người, là tế bào của xã hội. Nhưng càng về sau, cùng với sự phát triển của xã hội, gia đình lại bị lệ thuộc vào nhiều mối quan hệ xã hội khác quan trọng hơn.

Nhưng bên cạnh việc ra tạo ra gia đình với tư cách là tế bào của xã hội, việc sinh

con đẻ cái, tái tạo ra người khác còn đưa yếu tố dân số vào sự phát triển xã hội. Khi dân số bắt đầu tăng thì vấn đề đáp ứng nhu cầu của con người được đặt ra. Khi đó, việc tổ chức sản xuất và phân công lao động phải được tính đến để sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm.

Từ việc xem xét ba tiền đề trên đây, C.Mác và Ph.Ăngghen đi đến khẳng định rằng: "Sự sản xuất ra đời sống - ra đời sống của bản thân mình bằng lao động, cũng như ra đời sống của người khác bằng việc sinh con đẻ cái - biểu hiện ngay ra là một quan hệ song trùng: một mặt là quan hệ tự nhiên, mặt khác là quan hệ xã hội, quan hệ xã hội với ý nghĩa đó là sự hợp tác của nhiều cá nhân, không kể là trong những điều kiện nào, theo cách nào và nhằm mục đích gì"(7). Theo các ông, mỗi một phương thức sản xuất hay một giai đoạn công nghiệp nhất định luôn gắn liền với với một phương thức hợp tác hay một giai đoạn xã hội nhất định. Điều đó có nghĩa rằng, trong quá trình lao động sản xuất để thoả mãn nhu cầu của con người và trong quá trình tái tạo ra người khác để duy trì nòi giống, loài người đã tạo ra một phương thức sản xuất nhất định. Phương thức sản xuất đó biểu hiện một quan hệ song trùng: quan hệ giữa con người với tự nhiên và quan hệ giữa con người với con người. Tuy nhiên, trong tác phẩm này, C.Mác và Ph.Ăngghen chưa sử dụng thuật ngữ *quan hệ sản xuất* mà sử dụng thuật ngữ *quan hệ giao tiếp* để thay thế, còn bản thân khái niệm *phương thức sản xuất* và *lực lượng sản xuất* được sử dụng với nội dung khác với sau này. Chẳng hạn, các ông đã sử dụng hai khái niệm phương thức: *phương thức sản xuất* đồng nghĩa với

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t. 3, tr. 41.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t. 3, tr. 42.

một giai đoạn công nghiệp nhất định và phương thức hợp tác hay một giai đoạn xã hội nhất định lại là một lực lượng sản xuất(8).

Song, điều cần nhấn mạnh chính là ở chỗ, trong khi xem xét những tiền đề của lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đã gắn phương thức sản xuất với điều kiện tự nhiên, nhu cầu thiết yếu của con người và nhu cầu duy trì nòi giống.

Nhân tố cuối cùng tham gia vào quá trình lịch sử ngay từ đầu đó là *ý thức*. Ý thức, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, là cái để phân biệt sự khác nhau giữa con người và con vật; con người khác với con vật ở chỗ con người có ý thức, hành động có suy nghĩ. Nhưng ý thức hình thành từ bao giờ và có sự phát triển như thế nào?

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, ý thức được nói đến ở đây không phải là ý thức bẩm sinh. Ý thức được biểu hiện dưới hình thức ngôn ngữ. Ngôn ngữ cũng tồn tại lâu như ý thức; cũng như ý thức, ngôn ngữ xuất hiện từ nhu cầu tất yếu phải giao tiếp, phải nói với nhau một cái gì đó. Chính nhu cầu phải giao tiếp, phải nói với nhau một cái gì đó đã nảy sinh ở con người ngôn ngữ. Ngôn ngữ vừa là kết quả của sự biến đổi về mặt sinh học của cuống họng, vừa là sản phẩm xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "... Ngay từ đầu, ý thức đã là một sản phẩm xã hội, và vẫn là như vậy chừng nào con người còn tồn tại"(9).

Nhưng bản thân ý thức cũng có quá trình biến đổi và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Bởi vì, đúng như C.Mác đã khẳng định, ý thức chính là cái vật chất được di chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi trong đó. Ý thức là *hình ảnh chủ quan* của thế giới khách quan. Ý thức xã hội chẳng qua là tồn tại xã hội được ý thức. Ý thức xã hội

chính là cái phản ánh của tồn tại, do đó vận động và biến đổi cùng với sự biến đổi của tồn tại.

Phạm vi phản ánh của ý thức ngày càng được mở rộng. Lúc đầu, ý thức của con người chỉ phản ánh những cái gì mà con người có thể cảm nhận được một cách trực tiếp, những cái gần gũi nhất đối với con người. Do đó, ý thức con người lúc đó thường là và chủ yếu là ý thức về giới tự nhiên được hiện ra trước mắt của con người như là những lực lượng hoàn toàn xa lạ với con người và con người không thể dụng tới được, khống chế được.

Bên cạnh ý thức về những hiện tượng tự nhiên xảy ra xung quanh mình ấy, con người còn có ý thức về sự tất yếu phải quan hệ với người khác, với những người xung quanh mình. Lúc đầu, đó chỉ là ý thức mang tính bầy đàn đơn thuần. C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, "trong trường hợp này, con người khác với con cừu chỉ là ở chỗ trong con người, ý thức thay thế bản năng, hoặc bản năng của con người là bản năng đã được ý thức"(10). Nhưng sau đó, sự phát triển của sản xuất, của nhu cầu và dân số và cùng với nó là sự phân công lao động đã dẫn tới sự phân chia lao động thành *lao động vật chất* và *lao động tinh thần*. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, phân công lao động thực sự chỉ trở thành phân công lao động khi diễn ra sự phân chia lao động thành lao động trí óc và lao động chân tay. Đồng thời, bắt đầu từ đó, ý thức "là một cái gì khác chứ không phải là ý thức về thực tiễn hiện có, rằng nó có thể thật sự hình dung một cái gì đó, mà không hình dung một cái gì đó có thật cả; bắt đầu từ lúc đó, ý thức có khả năng tự giải thoát

(8) Xem: C. Mác và Ph. Ăngghen. *Sđđ.*, t. 3, tr. 42.

(9) C. Mác và Ph. Ăngghen. *Sđđ.*, t. 3, tr. 43.

(10) C. Mác và Ph. Ăngghen. *Sđđ.*, t. 3, tr. 43.

khỏi thế giới và chuyển sang xây dựng lý luận "thuần túy", thần học, triết học, đạo đức, v.v..

Như vậy, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, ý thức lúc đầu là sự phản ánh một cách đơn giản, trực tiếp những gì diễn ra xung quanh con người, cả những hoàn cảnh tự nhiên lẫn những quan hệ xã hội trực tiếp. Nhưng cùng với sự phát triển của xã hội, sự phản ánh của ý thức ngày càng thoát khỏi hiện thực, thăng hoa khỏi đời sống thực tiễn và hình thành nên các hình thái ý thức xã hội khác nhau. Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự thay đổi và sự phát triển của ý thức xã hội chính là sự phân công lao động. Nhưng cái tạo nên phân công lao động lại là sự phát triển của *sản xuất, của nhu cầu và dân số*.

Từ việc nghiên cứu tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen về những tiền đề cơ bản của lịch sử, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, trong năm tiền đề (nhân tố) của lịch sử mà C.Mác và Ph.Ăngghen đề cập đến trong *Hệ tư tưởng Đức* thì cả năm tiền đề đều là những tiêu chí quan trọng để phân biệt con người với con vật. Trong số đó, bốn tiền đề ban đầu: *nhu cầu cơ bản và sản xuất, sự xuất hiện nhu cầu mới, việc tái tạo ra người khác, phương thức sản xuất và hợp tác* thuộc về những yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội.

Đúng như C.Mác và Ph.Ăngghen nhận xét, nhu cầu của con người khác với nhu cầu của các con vật. Sự khác nhau giữa nhu cầu của con người và của con vật trước hết là ở nội dung, chủng loại của nhu cầu. Nội dung của nhu cầu và sự đa dạng về chủng loại của nó lúc đầu là do những điều kiện tự nhiên và sau là do hoàn cảnh kinh

tế quyết định. Nhưng sự khác nhau giữa con người và con vật không chỉ ở nội dung và chủng loại của nhu cầu, mà chủ yếu ở *phương thức thoả mãn nhu cầu*: con vật tìm cách thoả mãn nhu cầu của mình bằng những vật phẩm sẵn có trong tự nhiên, còn con người chủ yếu thoả mãn nhu cầu của mình bằng *lao động, bằng sản xuất*. Sản xuất được xem như là phương thức chủ yếu để thoả mãn nhu cầu của con người. Khi sản xuất đã phát triển đến một mức độ nhất định thì con người không thể tiến hành sản xuất một cách riêng lẻ mà phải hợp tác với nhau. Đó cũng là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã hội. Bên cạnh đó, cũng như con vật, con người còn có nhu cầu sinh con đẻ cái - nhu cầu duy trì nòi giống. Nhưng chính việc sinh con đẻ cái, tái tạo ra người khác để duy trì nòi giống làm nảy sinh ra ở con người những quan hệ xã hội, đầu tiên là quan hệ gia đình và cùng với đó, dân số trở thành một yếu tố quan trọng trong sự phát triển của sản xuất nói riêng và của xã hội nói chung.

Như vậy, khi nói về những tiền đề của lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập đến những yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội. Đó là điều kiện tự nhiên - cái làm nảy sinh ra ở con người những nhu cầu nhất định, tiếp đến là sản xuất (bao gồm phương thức sản xuất và phương thức hợp tác) và dân số. Cả ba yếu tố đó được xem xét trong mối liên hệ chặt chẽ.

Thứ hai, trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen, nhu cầu của con người đóng vai trò hết sức quan trọng và là một nhân tố nội tại của sự phát triển xã hội. Nhu cầu chính là *nguyên nhân* buộc con người ta phải sản xuất để thoả mãn nhu cầu. Sự nảy sinh nhu cầu mới khi nhu cầu cũ đã

được thoả mãn như là động lực của sản xuất. Cuối cùng, nhu cầu phải nói với nhau một điều gì đó đã dẫn tới chỗ xuất hiện ngôn ngữ, ý thức. Nếu trừu tượng hoá đi tất cả sự khác biệt giữa các yếu tố, chúng ta có thể nhận thấy điểm chung nhất trong những tiền đề của lịch sử là sự tham gia của nhu cầu. Nhu cầu không chỉ là động lực, mà còn là nguồn gốc, tức cái khởi nguồn của sự biến đổi và phát triển của lịch sử(11).

Nhân đây, cũng cần nói thêm rằng, ngày nay, khi tổng kết 20 năm đổi mới để tìm hiểu nguyên nhân của những thành công, chúng ta thường nói tới bài học lấy dân làm gốc, phải dựa vào dân, v.v.. Đó là bài học vô cùng quý giá được rút ra không chỉ từ thực tiễn đấu tranh cách mạng, mà còn từ thực tiễn của những năm đổi mới. Nhưng theo chúng tôi, từ việc xem xét quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về những tiền đề của lịch sử, cần diễn đạt bài học đó một cách cụ thể hơn là *phải căn cứ vào nhu cầu của dân, phải lấy nhu cầu của dân làm căn cứ và cơ sở cho đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước*. Điều đó có nghĩa là, mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ đi vào cuộc sống và sẽ có tác dụng tích cực khi nó đáp ứng nhu cầu của dân.

Thứ ba, ý thức cũng là một trong những nhân tố không thể thiếu được của lịch sử. Ý thức là một trong những cái để phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa con người và con vật. Nhưng bản thân ý thức cũng có một quá trình hình thành và phát triển. Lúc đầu ý thức của con người chủ yếu chỉ phản ánh giới tự nhiên xung quanh và gần gũi với bản thân mình, nhưng về sau, bên cạnh việc phản ánh giới tự nhiên, ý thức còn phản ánh các quan hệ xã hội. Cùng với

sự phân công lao động, các hình thái ý thức ngày càng phát triển. Sự hình thành và phát triển của các hình thái ý thức xã hội đánh dấu sự phát triển của ý thức con người. Xét về mặt lịch sử, khi con người mới tách khỏi động vật, ý thức của con người còn gần gũi và phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, nhưng càng về sau, con người càng tách khỏi tự nhiên thì sự phản ánh của ý thức càng mang tính gián tiếp. Khi đó, sự sáng tạo của ý thức càng cao. Nhưng điều đó hoàn toàn không có nghĩa là ý thức không phụ thuộc gì vào thế giới vật chất như những nhà triết học duy tâm khẳng định.

Như vậy, ngay trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phân tích và trình bày một nguyên lý quan trọng nhất của chủ nghĩa duy vật lịch sử là tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội; ý thức xã hội chỉ là sản phẩm và là sự phản ánh của tồn tại xã hội. Mặc dù chưa ra được một quan niệm đầy đủ về tồn tại xã hội, song qua sự trình bày những tiền đề của lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đã phân tích một cách tương đối thuyết phục vai trò của từng yếu tố trong tồn tại xã hội. Đó là căn cứ để khẳng định ý nghĩa của tác phẩm là *đánh dấu sự chuyển biến một cách căn bản từ lập trường duy tâm sang lập trường duy vật khi xem xét lĩnh vực xã hội của C.Mác và Ph.Ăngghen*. □

(11) Khi phê phán các nhà triết học duy tâm, Ph.Ăngghen đã từng viết rằng: "... Đáng lẽ phải giải thích hoạt động của mình từ nhu cầu của mình...thì người ta lại quen giải thích hành động của mình từ tư duy của mình" (C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t. 20. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 651. Ngày nay, nhiều học giả phương Tây hiện đại vẫn tiếp tục khẳng định nhu cầu riêng tư tình dục, nhu cầu phát triển vật chất và nhu cầu hình thành và duy trì bản sắc là động lực của nhân loại (Xem: Thomas L.Friedman. *Chiếc Lexus và cây Ôliu*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 84).